TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ SƠN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2021
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Khuyên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Moong Văn Vũ;
2. Bà Thái Thị Ly.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng–Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Xeo Văn Toàn–Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Mạc Thị T**, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Bản X, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An; Có mặt.
- *Bị đơn:* Ông **Lô Văn C**, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Bản X, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mạc Thị T trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Bà và ông Lô Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, không đăng ký kết hôn tại UBND xã phường, thị trấn mà chỉ tổ chức lễ cưới, mời hai họ, anh em tới dự lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2004 thì giữa hai người bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau và có quan điểm sống khác biệt, ngoài ra ông C thường xuyên xúc phạm danh dự nhân phẩm và có hành vi bạo lực gia đình. Bà T đã nhiều lần tha

thứ bỏ qua, hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng ông C vẫn không thay đổi. Tháng 02/2021 bà T đã về sinh sống với gia đình bên ngoại, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Hiện nay bà T không còn tình cảm với ông C nên không muốn tiếp tục chung sống đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố bà và ông Lô Văn C không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung là cháu Lô Thị Thúy K, sinh ngày 21/7/1997 và cháu Lô Văn T, sinh ngày 02/9/2000. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành và cháu Lô Thị Thúy K đã lập gia đình nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông C thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản làm việc, bị đơn ông Lô Văn C trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Ông C thừa nhận về thời điểm chung sống, phong tục, tập quán về việc chung sống đúng như bà T trình bày. Ông và bà T về sống chung thì cuộc sống hôn nhân của hai người diễn ra bình thường. Đến năm 2004 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống của hai người không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên tranh cãi, xung đột với nhau, từ tháng 02/2021 bà T đã về sinh sống với gia đình bên ngoại, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà T làm đơn ly hôn thì ông đồng ý vì giữa ông và bà T không còn tình cảm với nhau, đề nghị Tòa án tuyên bố ông và bà T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là cháu Lô Thị Thúy K, sinh ngày 21/7/1997 và cháu Lô Văn T, sinh ngày 02/9/2000. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành và cháu Lô Thị Thúy K đã lập gia đình nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Mạc Thị T và ông Lô Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung là cháu Lô Thị Thúy K, sinh ngày 21/7/1997 và cháu Lô Văn T, sinh ngày 02/9/2000 nay con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành và cháu Lô Thị Thúy K đã lập gia đình riêng nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mạc Thị T và ông Lô Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Mạc Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Mạc Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Lô Văn C là vợ chồng có địa chỉ cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về "Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành tốt các quyết định của Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tình cảm chung sống với nhau như vợ chồng: Bà T và ông C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa bà T và ông C không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người phát sinh nhiều nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau và có quan điểm sống khác biệt, ngoài ra ông C thường xuyên xúc phạm danh dự nhân phẩm và có hành vi

bạo lực gia đình. Bà T đã nhiều lần tha thứ bỏ qua, hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng ông C vẫn không thay đổi. Bà T và ông C sống ly thân nhau từ tháng 02/2021. Hiện nay bà T không còn tình cảm với ông C, không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Xét thấy, việc chung sống, thời gian chung sống giữa bà T và ông C là đúng thực tế, nay có bên yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố bà Mạc Thị T và ông Lô Văn C không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Mạc Thị T và ông Lô Văn C trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Lô Thị Thúy K, sinh ngày 21/7/1997 và cháu Lô Văn T, sinh ngày 02/9/2000. Hiện nay cả 02 cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành và cháu Lô Thị Thúy K đã lập gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà Mạc Thị T và ông Lô Văn C thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Mạc Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mạc Thị T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Mạc Thị T và ông Lô Văn C là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Mạc Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004217 ngày 15/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. (Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Mạc Thị T và ông Lô Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2021).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên